

**TÒA ÁN NH1 DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NH1 DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nH1 dân: Bà Nguyễn Thị Bình.

Ông Dương Thành Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nH1 dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nH1 dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nH1 dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ở: Tổ 1, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Diệu Đ, sinh năm: 1954; địa chỉ: Tổ 1, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nH1: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Diệu H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nH1, đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nH1 dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 2018, anh T và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH1 do chị H không

quan tâm, chăm sóc gia đình và có quan hệ bất chính với người khác, anh T đã Nều lần khuyên bảo để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng sống ly tH1 từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay, anh Trần Văn T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H.

- Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Diệu H, có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày: 10-02-2014 và Trần Gia N, sinh ngày 09-10-2019. Hiện này, cháu H1, cháu N đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn, anh T giao cháu H1, cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, mỗi tháng anh T cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu N 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng), cho đến khi cháu cháu H1, cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Diệu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nH1: Chị Nguyễn Thị Diệu H và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tháng 9 năm 2019 chị H về Quảng Ngãi sinh con thứ hai, anh T vẫn công tác tại tỉnh Tây Ninh, do mỗi người ở mỗi nơi nên tình cảm bắt đầu lạnh nhạt, đồng thời do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế. Nay, anh Trần Văn T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H, chị H không đồng ý.

- Về con chung: Chị H và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày: 10/2/2014 và Trần Gia N, sinh ngày: 09/10/2019. Hiện nay, cháu H1, cháu N đang sinh sống cùng với chị H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi hai con chung là cháu Trần Thị Ngọc H1 và Trần Gia N, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng, tổng cộng cấp dưỡng nuôi 2 con chung là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Năm 2019, chị H và anh T có đứng tên chung ngôi nhà tại địa chỉ lô 12 Cây Siêng, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đến tháng 9/2019, chị H về nhà cha mẹ đẻ ở Quảng Ngãi sinh con thì anh T đã bán ngôi nhà trên được 1.200.000.000 đồng, số tiền này anh T quản lý, không chia cho chị H, chị H trình bày yêu cầu chia tài sản chung nhưng xác định không có yêu cầu phản tố vì đang thỏa thuận giải quyết tài sản chung với anh T.

- Về nợ chung: Chị H và anh T có mượn bà Nguyễn Thị Diệu Đ (mẹ ruột của chị H) số tiền 300.000.000 đồng để mua căn nhà tại lô 12, ấp Cây Siêng, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trường hợp ly hôn, anh T phải trả hết số tiền 300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Diệu Đ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu Đ: Không có văn bản trình bày ý kiến, không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nH1 dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T, anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày: 10-02-2014 và Trần Gia N, sinh ngày 09-10-2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, mỗi tháng anh T cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu N 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng), cho đến khi cháu H1, cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2022. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Án phí anh Trần Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Văn T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn chị Nguyễn Thị Diệu H có nơi cư trú hiện nay tại: Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở: Tổ 1, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Diệu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nH1: Năm 2013, anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Diệu H tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nH1 giữa anh T và chị H là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nH1 và gia đình. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, theo anh T trình bày: Từ năm 2018, anh T và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không quan tâm, chăm sóc gia đình và có quan hệ bất chính với người khác, anh T đã Nều lần khuyên bảo để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Còn về phía chị H trình

bày: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, từ tháng 9 năm 2019 chị H về Quảng Ngãi sinh con thứ hai, anh T vẫn công tác tại tỉnh Tây Ninh do mỗi người ở mỗi nơi nên tình cảm vợ chồng bắt đầu lạnh nhạt, đồng thời giữa chị H và anh T có sự mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế. Nay, anh Trần Văn T xin ly hôn, chị Nguyễn Thị Diệu H không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tiến hành hòa giải để động viên anh T và chị H hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh T có đơn đề nghị vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H.

[3.2] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Diệu H có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày: 10/2/2014 và Trần Gia N, sinh ngày: 09/10/2019. Hiện nay, cháu H1, cháu N đang sinh sống cùng với chị H. Anh T có ý kiến: Khi ly hôn, anh T giao cháu H1, cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, mỗi tháng anh T cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu N 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng), cho đến khi cháu H1, cháu N đủ 18 tuổi. Chị H có ý kiến: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi hai con chung là cháu Trần Thị Ngọc H1 và Trần Gia N, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng, tổng cộng cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trần Thị Ngọc H1 có nguyện vọng ở với chị H, cháu Trần Gia N, sinh ngày 09/10/2019, hiện nay cháu N còn quá nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ. Để đảm bảo phát triển về mọi mặt cho cháu H1, cháu N, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu H1, cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 2.500.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu H1, cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn T trình bày không có. Còn chị H trình bày: Chị H và anh T có đứng tên chung ngôi nhà tại địa chỉ lô 12 Cây Siêng, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đến tháng 9/2019, chị H về nhà cha mẹ đẻ ở Quảng Ngãi sinh con, thì anh T đã bán ngôi nhà trên được 1.200.000.000 đồng, số tiền này anh T quản lý, chị H trình bày yêu cầu chia tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm việc, giải thích pháp luật cho chị H, trường hợp chị H có tranh chấp về tài sản chung thì phải làm đơn yêu cầu phản tố để Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố nhưng chị H xác định không có yêu cầu phản tố đối với tài sản chung. Do đó, trong vụ án này về tài sản chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Anh T trình bày, vợ chồng không có nợ chung, còn chị H trình bày: Chị H và anh T có mượn bà Nguyễn Thị Diệu Đ (mẹ ruột của chị H) số tiền 300.0000.000 đồng để mua căn nhà tại lô 12, ấp Cây Siêng, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trường hợp ly hôn, anh T phải trả hết số tiền 300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Diệu Đ. Tòa án đã Thông báo bổ sung bà Nguyễn Thị Diệu Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và ấn định thời gian để bà Đ có yêu cầu độc lập nhưng bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu độc lập nên trong vụ án này về nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng anh T phải nộp 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000128 ngày 12-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Trần Văn T phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn T, anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày: 10/2/2014 và Trần Gia N, sinh ngày: 09/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Diệu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc H1 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu Trần Gia N mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu H1, cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng anh T phải nộp 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000128 ngày 12-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Trần Văn T phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Loan

